TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2023/HS-PT
Ngày 22 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 698/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Đỗ Ái Nh, Huỳnh Đức Thiên Ch; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 345/2022/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo:*

1/. **Trần Đỗ Ái Nh,** giới tính: Nữ; Sinh ngày 26/02/1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT: đường số 8, tổ dân phố 6, khu phố 4, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường Ng, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Đại học; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Kim T; con bà Đỗ Thị C; Bị cáo có 02 người con (sinh năm 2003 và 2008); tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2020, đến ngày 23/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2/. **Huỳnh Đức Thiên Ch**; giới tính: Nam; Sinh ngày 13/7/1989 tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKTT: đường Ng, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: đường T1, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: Đại học; Nghề nghiệp: kế toán; Con ông: Huỳnh Ngọc Th; con bà: Hoàng Thị Ngọc A; Chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có 17 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm hồ sơ cho con gái đi du học, Trần Đỗ Ái Nh quen biết Trần Thị Vũ Ngh (sinh năm 1982, HKTT: đường H, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh). Đầu năm 2018, Ngh thành lập công ty TNHH E, đặt trụ sở tại nơi ở của Nh (số đường Ng, phường T, Quận 1) để hoạt động tư vấn, làm hồ sơ du học, du lịch nước ngoài. Nh đã giới thiệu khách có nhu cầu xin cấp thị thực Úc để Ngh làm thủ tục, nộp hồ sơ với thỏa thuận mỗi hồ sơ khách được cấp thị thực Úc thì Ngh trả cho Nh 1.100.000đ/01 hồ sơ và yêu cầu Nh thông báo cho khách nộp các tài liệu theo quy định của Lãnh sự Úc, gồm: Hộ chiếu, CMND, sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Hợp đồng lao động, Đơn xin nghỉ phép, sổ Tiết kiệm, Giấy xác nhận số dư Ngân hàng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu hồ sơ của khách không có đủ các thủ tục theo quy định thì Nh sẽ bổ sung các loại giấy tờ còn thiếu và giao lại cho Ngh để Ngh đi nộp.

Tháng 01/2018, Nh làm hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh Úc của Nh và nhận của Nguyễn Thị Xuân H 20.000.000 đồng, của Nguyễn Thị M 10.000.000 đồng để làm chi phí xin cấp thị thực Úc cho H, Phu Nhật D (con của H), M. Do H, D, M chưa có hồ sơ chứng minh tài chính nên Nh đã liên hệ với Thắng (nhân viên công ty dịch vụ tài chính) để làm Sổ tiết kiệm tiền gửi và giấy xác nhận số dư cho H với chi phí 2.200.000 đồng và M với chi phí 1.500.000 đồng. Đồng thời Nh thuê một người bạn đang sống ở Úc (không nhớ tên, địa chỉ) làm 03 thư mời H, D, M sang Úc du lịch. Sau khi hoàn tất, Nh giao toàn bộ 04 hồ sơ xin cấp thị thực của Nh, H, D, M cho Ngh cùng số tiền 19.400.000 đồng (đã trừ chi phí 3.300.000đ Nh được hưởng) để Ngh làm thủ tục nộp hồ sơ. Khoảng tháng 02/2018, Nh, H, D, M được cấp thị thực nhập cảnh Úc.

Tháng 4/2018, Nh làm hồ sơ xin cấp thị thực Úc cho Trần Đỗ Kim B (anh trai Nh), Trần Hoàng B1 (con trai Nh) và Ngô Văn H (bạn Nh). Nh đã nhờ Lê Đạt Th (Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển T) ký khống 01 Hợp đồng lao động, 01 Đơn xin nghỉ phép cho B và 01 Hợp đồng lao động, 01 Quyết định bổ nhiệm phó phòng kỹ thuật cho H để bổ sung hồ sơ. Sau đó Nh giao hồ sơ cho Trần Thị Vũ Ngh đi nộp tại Tổng Lãnh sự quán Úc cùng số tiền 3.300.000đ/01 bộ hồ sơ. B được cấp thị thực, H không được cấp thị thực nên Nh đã trả lại tiền cho H (Nh không nhớ đã nhận và trả lại H bao nhiêu tiền).

Từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2019, Nh đã nhận làm hồ sơ xin Visa thị thực Úc cho 35 khách hàng gồm: Trương Thị Mỹ T, Nguyễn Hoàng G, Huỳnh Thị Kiều D, Nguyễn Thị Thùy Tr, Trần Anh Ph, Hoàng Trung K, Nguyễn Thanh H, Phan Ngọc Hồng Th, Đoàn Ngọc D, Nguyễn Thị Kim Ng, Ngô Phước H, Ngô Văn Tr, Phạm Thị Xuân Ph, Trần Thị H, Trương Thái H, Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị Mỹ Ph, Phạm Xuân H, Vương Kim B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung S, Nguyễn Thị Th1, Hoàng Nguyên A, Phạm Văn Th, Phan Văn Q, Nguyễn Thị

Minh Th, Trần Thị Như H, Nguyễn Thị Th, Phạm Thị Tr, Nguyễn Hồng Ph, Lê Thị Thúy H, Trần Thị Lệ Th, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Hồng H. Nh tư vấn cho khách cung cấp hồ sơ xin Visa theo quy định của Lãnh sự quán Úc gồm bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh hoặc căn cước công dân, sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh, chứng sinh, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ tiết kiệm, Giấy xác nhận số dư ngân hàng, Hợp đồng lao động, Đơn xin nghỉ phép, Sao kê ngân hàng chứng minh được trả lương, Thư mời của người thân đang sống ở Úc... . Nếu hồ sơ do khách cung cấp đầy đủ thì Nh thu 11.000.000 đồng/1 bộ. Nếu hồ sơ không đầy đủ giấy tờ, Nh sẽ thu thêm tiền (khoảng 18 triệu đến 39 triệu/01 bộ) và nhờ người làm giả các loại giấy tờ còn thiếu để bổ sung (việc Nh bổ sung giấy tờ như thế nào Nh không nói cho khách hàng biết), cụ thể:

Đối với các tài liệu chứng minh việc làm: Nh đã nhờ và thuê người làm 30 bộ hồ sơ chứng minh việc làm, cụ thể: Nh nhờ Nguyễn Thị Xuân H (Giám đốc Công ty TNHH TMDV A) ký khống Hợp đồng lao động cho Trương Thị Mỹ T; thuê người phụ nữ tên H, Liên, người đàn ông tên H, K (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả các hồ sơ chứng minh việc làm khác. Nh cung cấp thông tin (Chứng minh hoặc Căn cước công dân, Hộ khẩu thường trú...) cho Huỳnh Đức Thiên Ch (Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng C và Công ty TNHH MTV XNK N) để nhờ Ch lập khống Hồ sơ chứng minh việc làm. Theo đó, Ch đã trực tiếp soạn thảo và ký khống 06 Hợp đồng lao động, 01 Quyết định bổ nhiệm trưởng phòng kinh doanh, 01 Đơn xin xác nhận lương và công tác, 03 Bảng lương nhân viên và 06 đơn xin nghỉ phép. Ngoài ra, Ch còn soạn thảo sẵn và nhờ một số người khác gồm: Lê Đăng Kh (Giám đốc Công ty cổ phần T và Công ty TNHH TMDV XNK H), Nguyễn Lê V (sinh năm 1991, địa chỉ: đường N, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất T (Giám đốc Công ty TNHH N1), Lê Đạt Th (Giám đốc Công ty CP ĐTXD H1 và Công ty CP ĐTXD và Phát triển T) ký khống hồ sơ của những trường hợp khác. Nh có nói cho Ch biết việc Nh nhờ Ch làm khống hồ sơ chứng minh việc làm để bổ sung hồ sơ cho khách hàng của Nh xin Visa nhập cảnh vào Úc. Nh không trả công cho Ch mà Ch giúp Nh vì là chỗ chị em bạn bè thân thiết.

Đối với các loại giấy tờ chứng minh tài sản: Nh thuê người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch) làm giả chủ yếu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy đăng ký xe ô tô...cho 16 khách xin Visa nhập cảnh Úc gồm Ngô Văn Tr, Phạm Thị Tr, Phan Ngọc Hồng Th, Trần Anh Ph, Nguyễn Thị Kim Ng, Hoàng Trung K, Nguyễn Trung S, Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Thùy Tr, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Đoàn Ngọc D, Huỳnh Thị Kiều D và Nguyễn Hữu M.

Đối với Hồ sơ chứng minh tài chính: Nh liên hệ với Ngô Anh M và Lê Xuân Th là giám đốc và nhân viên Công ty CP B làm 35 bộ Hồ sơ (gồm Sổ tiết kiệm và Giấy xác nhận số dư trong tài khoản) cho 32/35 khách hàng, trong đó hồ sơ của Trương Thái H, Nguyễn Thanh H và Phạm Thị Xuân Ph làm thủ tục chứng minh tài chính 02 lần.

Đối với khách không có thư mời của thân nhân tại Úc, Nh thuê một người quen định cư ở Úc (không nhớ rõ là ai) làm thư mời cho 17 khách hàng gồm Phạm

Thị Tr, Ngô Văn Tr, Phan Ngọc Hồng Th, Trần Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Kim Ng, Trần Anh Ph, Hoàng Trung K, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Thị Xuân Ph, Hoàng Nguyên A, Phạm Xuân H, Lê Thị Thúy H, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Thị Thùy Tr, Nguyễn Hồng Ph, Nguyễn Thị Th1 và Lê Thị Mỹ Ph.

Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ với các giấy tờ trên, Nh thuê Nguyễn Duy T (sinh năm 1990, địa chỉ: ấp 2, xã P, huyện Ch, tỉnh Bến Tre) kiểm tra hồ sơ và đi nộp tại Lãnh sự quán Úc với giá 5.000.000 đồng (bao gồm 3.300.000đ/01 hồ sơ theo quy định và 1.700.000đ/01 hồ sơ trả công cho T). Đối với 30 khách hàng không có sao kê tài khoản và chứng minh việc trả lương của Công ty, Nh thuê T làm giả các tài liệu trên với giá 5.000.000/01 tài liệu giả để bổ sung vào hồ sơ. Nh đã thuê T nộp tổng cộng 33/35 bộ hồ sơ xin thị thực Úc, còn 02 hồ sơ Nh trực tiếp đi nộp. Nh đã trả cho T tổng cộng 318.400.000 đồng tiền thuê T làm giả tài liệu và nộp hồ sơ.

Ngoài ra để thuận lợi cho việc làm Hồ sơ xin cấp thị thực Úc, Nh liên hệ với Công ty TNHH dịch vụ thương mại T1 để tổ chức cho 03 khách đi du lịch Đài Loan; 03 khách đi du lịch Hồng Kông; 04 khách đi du lịch ở Nhật với tổng chi phí 186.900.000 đồng. Quá trình làm Hồ sơ cho khách hàng, Nh đã thu tổng cộng của khách 1.064.135.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) và chi phí như sau:

1/. Trả tiền thuê người phụ nữ tên H làm giả tài liệu bổ sung hồ sơ cho khách 41.000.000 đồng.

2/. Thuê L, H, K làm giả hồ sơ chứng minh việc làm 14.000.000 đồng.

3/. Thuê người bên Úc làm thư mời: 17 thư mời x 2.300.000 đồng = 39.100.000 đồng.

4/. Thuê làm 35 bộ hồ sơ chứng minh tài chính: 103.970.000 đồng.

5/. Trả tiền Tour du lịch Nhật, Hồng Kông và Đài Loan cho Công ty T1: 186.900.000 đồng.

6/. Trả lại cho các khách hàng không được cấp Visa: Phan Ngọc Hồng Th 6.900.000đ; Trần Anh Ph 11.500.000đ; Nguyễn Thị Kim Ng 43.000.000; Hoàng Trung K 11.500.000đ; Hoàng Nguyên A 11.500.000đ, Phạm Xuân H và Lê Thị Thúy H 50.000.000đ; Nguyễn Hoàng G và Nguyễn Thị Thùy Tr 90.000.000đ; Nguyễn Thị Thu H 10.000.000đ. Tổng cộng Nh đã trả lại khách hàng 234.400.000d.

7/. Trả tiền thuê Nguyễn Duy T làm giả tài liệu và nộp hồ sơ: 318.400.000đ.

8/. Lệ phí thị thực của Nguyễn Thanh H, Nguyễn Trung S và Trần Anh Ph: 3.000.000đ/bộ x 3 = 9.000.000 đồng.

9/. Phí vé máy bay cho Phan Ngọc Hồng Th: 16.800.000đ.

10/. Phí khám sức khỏe cho Trần Thị Như H: 1.800.000đ.

11/. Phí sao y công chứng: 7.500.000đ.

Tổng cộng, Nh đã chi phí hết số tiền 972.870.000 đồng, số tiền Nh được hưởng lợi: 1.064.135.000đ - 972.870.000đ = 92.265.000 đồng (Chín mươi hai triệu

hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Huỳnh Đức Thiên Ch khai nhận phù hợp với lời khai của Trần Đỗ Ái Nh: Ch là Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng C (địa chỉ: đường L, Phường 4, quận G) và Công ty TNHH MTV XNK N (địa chỉ: đường Kh, Phường 3, Quận 4), có mối quan hệ quen biết Trần Đỗ Ái Nh từ năm 2016. Từ khoảng giữa năm 2018 đến năm 2019, Nh có chuyển thông tin của 26 khách hàng xin cấp thị thực đi Úc cho Ch để Ch soạn thảo Hợp đồng lao động, Đơn xin nghỉ phép, Quyết định bổ nhiệm chức vụ...và đóng dấu, ký tên xác nhận. Ch đã soạn thảo, trực tiếp ký tên, đóng dấu với danh nghĩa Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng C và Công ty TNHH MTV XNK N trên 06 bộ Hồ sơ của: Huỳnh Thị Kiều D, Hoàng Nguyên A, Phan Văn Q, Nguyễn Trung S, Nguyễn Thị Minh Th và Phạm Văn Th. Ngoài ra, Ch còn soạn thảo và nhờ Lê Đăng Kh (Giám đốc Công ty CP T và Công ty TNHH TMDV XNK H), Nguyễn Lê V (sinh năm 1991, địa chỉ: đường N, Phường 13, quận B, Tp. Hồ Chí Minh - Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất T), Phan Văn Q (Giám đốc Công ty TNHH N1), Lê Đạt Th (Giám đốc Công ty CP ĐTXD H1 và Công ty CP ĐTXD và Phát triển T) ký tên, đóng dấu vào phần chữ ký Giám đốc trên Hợp đồng lao động và Đơn xin nghỉ phép của 20 bộ Hồ sơ khác gồm: Nguyễn Văn H, Hoàng Trung K, Nguyễn Thanh H, Phạm Xuân H, Lê Thị Mỹ Ph, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Thị Tr, Trần Thị Lệ Th, Nguyễn Thị Th, Lê Thị Thúy H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thị Xuân Ph, Trần Thị H, Ngô Văn Tr, Vương Kim B, Nguyễn Văn H, Vũ Xuân V, Trương Anh K, Trần Đỗ Kim B và Nguyễn Hữu S. Trên thực tế, tất cả khách hàng của Nh không làm việc tại các Công ty này, các tài liệu Ch làm cho Nh có nội dung không đúng, sở dĩ Ch phải soạn thảo tài liệu và nhờ Giám đốc các Công ty khác nhau xác nhận lên Hồ sơ khách hàng của Nh là để không bị trùng lặp, tránh sự nghi ngờ của Lãnh sự quán Úc. Sau khi làm xong các tài liệu chứng minh việc làm, Ch chuyển lại cho Nh để Nh bổ sung vào Hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh Úc cho khách hàng. Ch làm giúp Nh vì mối quan hệ chị em bạn bè thân thiết, không vì lợi ích gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 345/2022/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Đỗ Ái Nh 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép''; 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 22/7/2020 đến ngày 23/01/2022.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

2/. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch: 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/8/2022, bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/8/2022, bị cáo Trần Đỗ Ái Nh có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Đỗ Ái Nh, Huỳnh Đức Thiên Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo Nh 05 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và 02 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Ch 03 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của của cơ quan, tổ chức" là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Đỗ Ái Nh và Huỳnh Đức Thiên Ch làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vì động cơ vụ lợi, Trần Đỗ Ái Nh đã làm hồ sơ xin cấp Visa nhập cảnh vào Úc cho 35 khách hàng, trong đó có 16/35 người được cấp Visa và 14/16 người đã xuất cảnh sang Úc du lịch. Nh đã thu lợi được tổng cộng 92.265.000 đồng. Huỳnh Đức Thiên Ch có hành vi giúp Nh làm giả 26 bộ hồ sơ chứng minh việc làm cho khách hàng của Nh, trong đó Ch trực tiếp soạn thảo, ký tên, đóng dấu 06 bộ hồ sơ, còn 20 bộ hồ sơ Ch nhờ người khác ký tên, đóng dấu và giao lại cho Nh để Nh sử dụng các tài liệu giả này bổ sung hồ sơ xin cấp Visa thị thực Úc cho khách hàng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Đỗ Ái Nh phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 348, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, trật tự quản lý hành chính nhà nước, cùng như tình hình an ninh ngoại giao. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Trần Đỗ Ái Nh bị xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 đến 15 năm tù, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù. Bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch bị xét xử theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; mục đích của hành vi phạm tội chỉ là để giúp khách hàng đủ điều kiện được nước sở tại chấp nhận cấp visa cho nhập cảnh để du lịch và thăm người thân; hoàn cảnh gia đình khó khăn; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nh 05 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" và 02 năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Ch 03 năm tù về tội "Làm giả tài liệu của của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đỗ Ái Nh và Huỳnh Đức Thiên Ch phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đỗ Ái Nh và Huỳnh Đức Thiên Ch.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 345/2022/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt.

1/. Tuyên bố bị cáo Trần Đỗ Ái Nh phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép'' và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2/. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Đỗ Ái Nh 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép''; 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 22/7/2020 đến ngày 23/01/2022.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

3/. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức Thiên Ch 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/. Bị cáo Trần Đỗ Ái Nh và Huỳnh Đức Thiên Ch, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Minh **Phan Nhựt Bình** **Hoàng Thanh Dũng**